

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Quách Thị H sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt có lý do)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn V sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Quách Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn V được tự do tìm hiểu sau một thời gian anh chị đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 27/02/2001 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh chị không có tiếng nói chung. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng anh chị mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khiến không khí

gia đình căng thẳng cho đến nay mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng nên xét tình cảm vợ chồng không còn ai quan tâm đến nhau nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nho Quan cho chị xin được ly hôn anh Nguyễn Văn V

Về con chung: hai vợ chồng anh chị có 02 con chung: 01 là cháu Nguyễn Thị D sinh ngày 30/7/2001 hiện nay cháu D đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Thị Ngọc S ngày 29/5/2008 Hiện nay cháu đang ở bố. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu N cho anh Nguyễn Văn V được nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 04/2024 đến khi cháu N đủ 18 tuổi

Về tài sản chung, công nợ chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt chị Quách Thị H vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung chị H đồng ý để cháu N cho anh Nguyễn Văn V nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi con chung chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.0000 đồng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. thời điểm cấp dưỡng từ tháng 04 năm 2024. Về tài sản chung và công nợ chung chị H không đề nghị tòa án giải quyết.

- *Lời trình bày của bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của anh V đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình đã tiến hành xác minh và xác định được bị đơn anh Nguyễn Văn V nơi ở hiện nay là thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình nhưng hiện tại anh V đi làm ăn và lúc về nhà lúc không nên chính quyền địa phương không nắm được thời điểm đi và về nhà của anh Vinh là lúc nào. Tòa án không thể tiến hành được việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Văn V nên đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 5, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị H. Xử lý hôn giữa chị Quách Thị H và anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao Cháu Nguyễn Thị Ngọc s ngày 29/5/2008 cho anh Nguyễn Văn V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V số tiền 1.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 04/2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

3. Về án phí: Chị Quách Thị H phải chịu án phí ly hôn và phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Quách Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

- Ngày 22/7/2024 là nguyên đơn chị Quách Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

- Anh Nguyễn Văn V là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Quách Thị H và anh Nguyễn Văn V được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2001 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 27/02/2001 đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung, thường xuyên đánh chửi nhau. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Hiện nay chị **H** và anh **V** đã ly thân. Chị **H** thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Văn V**. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Nguyễn Văn V** mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của anh **V** đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình đã tiến hành xác minh và xác định được bị đơn anh **Nguyễn Văn V** nơi ở hiện nay là **thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình** nhưng hiện tại anh **V** đi làm ăn và lúc về nhà lúc không nên chính quyền địa phương không nắm được thời điểm đi và về nhà của anh **V** là lúc nào. Tòa án không thể tiến hành được việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh **Nguyễn Văn V** nên đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chính quyền địa phương nơi chị **H** và anh **V** đăng ký kết hôn và cư trú cũng xác nhận. Sau khi đăng ký kết hôn chị **H** và anh **V** có sinh sống tại **xã Đ, huyện N**. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị **H** và anh **V** thì địa phương không nắm rõ nhưng thực tế khi sinh sống ở địa phương chị **H**, anh **V** có xảy ra mâu thuẫn, xích mích, cãi chửi xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ lâu, không còn ai quan tâm đến nhau. Chị **H** đi làm ăn xa lúc về lúc không. Anh **V** ở nhà và nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **N**. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị **H**, xử cho chị **Quách Thị H** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn V** là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị **Quách Thị H** và anh **Nguyễn Văn V** có 02 con chung: Cháu **Nguyễn Thị D** sinh ngày 30/7/2001 hiện nay cháu **D** đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu **Nguyễn Thị Ngọc S** ngày 29/5/2008 Hiện nay cháu đang ở với anh **V**. Khi ly hôn chị **H** đồng ý giao cháu **N** cho anh **Nguyễn Văn V** được nuôi dưỡng cháu **N** đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi bởi vì từ khi ly thân chị **H** đi làm ăn xa không ở nhà. Toàn bộ việc nuôi dưỡng chăm sóc cháu **N** đều do anh **V** làm cho đến nay. Tại đơn đề nghị của cháu **N** đề ngày 02/7/2024, cháu có trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố là anh **V** vì từ khi bố mẹ cháu sống ly thân thì cháu ở với bố và bản thân bố có điều kiện, chăm sóc đến cháu nhiều hơn còn mẹ cháu là chị **H** công việc bận làm ăn xa và không có thời gian để chăm sóc cháu. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và ý kiến của cháu là muốn ở với bố vì từ khi chị **H** và anh **V** sống ly thân đến nay cháu **N** chỉ toàn ở với bố là anh **V** chăm sóc nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần

giao cho anh **V** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Thị N1** đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Quách Thị H** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 04 năm 2024 nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến tự nguyện của Chị **H** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/tháng cho cháu **N1** đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng nuôi con từ tháng 04 năm 2024.

[2.3].Về tài sản chung, công nợ chung: chị **H** không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí hôn nhân và gia đình: chị **Quách Thị H** chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Xử cho chị **Quách Thị H** được ly hôn đối với anh **Nguyễn Văn V**. Quan hệ hôn nhân của chị **Quách Thị H** và anh **Nguyễn Văn V** chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu **Nguyễn Thị Ngọc S** ngày 29/5/2008 cho anh **Nguyễn Văn V** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị **Quách Thị H** phải cấp dưỡng nuôi cháu **N1** mỗi tháng 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 4/2024 đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh **Nguyễn Văn V** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị **Quách Thị H** không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng chị **Quách Thị H** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

“Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Quách Thị H** chịu án phí dân sự sơ thẩm lý hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001292 ngày 20 tháng 6 năm 2024. Số tiền chị **Quách Thị H** còn phải nộp tiếp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Án xử công khai sơ thẩm chị **Quách Thị H** và anh **Nguyễn Văn V** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. NQ;
- Chi cục THA H. NQ;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thị Thanh Nhàn

